

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	9161	28	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	28/05/2004	Nữ	9A1	7.25	9.25	7.5	5.5	0	38.75	35
2	92226	1	NINH DUY AN	30/07/2004	Nam	9A1	6.25	7.25	5.5	1.75	0	30.75	22.5
3	92238	2	TRẦN THIÊN ÂN	20/01/2004	Nam	9A1	7.5	7	5.75	1.5	0	33.5	23.25
4	92239	2	TRẦN THIÊN ÂN	20/01/2004	Nam	9A1	6.75	7.25	7.5	1.5	0	35.75	24.5
5	92327	5	DELA CRUZ PHẠM BRIAN	22/06/2004	Nam	9A1	7.75	9.25	7.75	4	1	41.25	32.75
6	92426	10	NGUYỄN NGỌC TRIẾT GIAO	07/05/2004	Nữ	9A1	7.5	9.25	9	3.75	0	42.25	33.25
7	92547	15	NGUYỄN KHIÊM	10/03/2004	Nam	9A1	6.5	9	7.5	4.25	0	37	31.5
8	92605	17	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	14/12/2004	Nữ	9A1	7.25	8.5	9.25	3	0	41.5	31
9	92642	19	LÊ THỊ TUYẾT MAI	12/02/2004	Nữ	9A1	8.25	6.75	7.25	1.75	0	37.75	25.75
10	92659	19	LÝ HOÀNG ÁNH MINH	23/09/2004	Nữ	9A1	7.75	9.5	9	3.75	0	43	33.75
11	92681	20	MAI NHẬT NAM	22/10/2004	Nam	9A1	6.5	7.75	7.5	2.25	0	35.75	26.25
12	92690	21	TRƯƠNG HIẾU NGÂN	08/01/2004	Nữ	9A1	8.5	9.5	9.25	3	0	45	33.25
13	92746	23	DƯƠNG NGỌC LAN NHI	10/04/2004	Nữ	9A1	7.75	9.25	9.5	4	0	43.75	34.5
14	92808	25	HUỲNH YẾN PHỤNG	15/05/2004	Nữ	9A1	8	9.25	7.5	3.75	0	40.25	32.25
15	92832	26	ĐẶNG ĐỨC MINH QUÂN	18/05/2004	Nam	9A1	7.5	7.75	7.25	2	0	37.25	26.5
16	92871	28	NGUYỄN CÔNG TẠO	19/08/2004	Nam	9A1	6.75	8.75	4.5	1.75	0	31.25	23.5
17	92935	2	VÕ THỰC MINH THƯ	11/06/2004	Nữ	9A1	8.25	8.75	6.5	3.25	0	38.25	30
18	92937	2	PHẠM BÁ THUẬN	07/10/2004	Nam	9A1	8	8.5	8.5	4.25	0	41.5	33.5
19	92972	3	LÊ TRẦN BẢO TRÂN	20/12/2004	Nữ	9A1	8.5	9.5	7.25	1.5	0	41	28.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

20	93002	5	TRẦN MINH TRUNG	01/01/2004	Nam	9A1	7.25	7.25	6.75	1.5	0	35.25	24.25
21	93066	7	TRẦN NGỌC TƯỜNG VY	11/07/2004	Nữ	9A1	7.5	9.5	9.5	4.75	0	43.5	36
22	93069	7	VÕ THỊ THÙY VY	03/08/2004	Nữ	9A1	7.5	7.75	7.25	1	0	37.25	24.5
23	93189	13	NGUYỄN XUÂN NGỌC KHANH	16/11/2004	Nữ	9A1	7.5	6.5	7.25	3.75	0	36	28.75
24	93505	28	ĐÀO NGUYỄN MẠNH THƯƠNG	22/06/2004	Nam	9A1	7.5	8.5	8.25	3	0	40	30.25
25	93724	10	HỒ QUỐC ĐẠT	16/07/2004	Nam	9A1	7.75	7.5	8.75	1	0	40.5	26
26	93794	13	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	19/10/2004	Nữ	9A1	7.5	5.5	5.5	0	0	31.5	18.5
27	93886	17	NGUYỄN ĐỨC MINH	25/02/2004	Nam	9A1	7.5	7.75	9	2.5	0	40.75	29.25
28	94040	5	TRẦN THỊ MINH THƯ	26/02/2004	Nữ	9A1	7.75	6.75	8.5	3.25	0	39.25	29.5
29	94254	14	LÊ HOÀNG LAM	07/12/2004	Nữ	9A1	8	8	8.75	4.5	0	41.5	33.75
30	94384	19	NGUYỄN THÀNH TÂM	23/02/2004	Nam	9A1	7.5	7.25	8.5	5	0	39.25	33.25
31	94459	23	NGUYỄN THU TRANG	21/01/2004	Nữ	9A1	7.75	8	6.75	5.5	0	37	33.5
32	94485	24	LÊ HUỲNH THẢO VY	15/03/2004	Nữ	9A1	7.75	7	6.75	5.5	0	36	32.5
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92290	4	TRẦN HƯƠNG ANH	28/09/2004	Nữ	9A2	8.5	7.75	6.5	2	0	37.75	26.75
2	92483	12	LÊ THIÊN HOÀN	13/03/2004	Nam	9A2	6.75	8.25	7.5	2.25	0	36.75	27
3	92749	23	LÂM UYÊN NHI	13/12/2004	Nữ	9A2	7	6.5	5.25	1.25	0	31	21.25
Tổng cộng có tất cả: 3 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92658	19	LÊ ĐỨC MINH	14/11/2004	Nam	9A3	7.25	9.75	9.25	4	0	42.75	34.25
2	92807	25	VŨ THỊ HỒNG PHÚC	20/02/2004	Nữ	9A3	8.25	8.5	8	1.75	0	41	28.25
3	92996	4	VŨ HOÀNG THANH TRÚC	07/06/2004	Nữ	9A3	7.5	7.25	10	1.5	0	42.25	27.75
4	93031	6	PHẠM HOÀNG VÂN	16/07/2004	Nữ	9A3	8.5	9.25	8.25	3	0	42.75	32
5	93041	6	TRẦN GIA VŨ	11/02/2004	Nam	9A3	8	8.5	8.25	1.75	0	41	28.25
6	93093	9	NGUYỄN ĐỨC ANH	31/08/2004	Nam	9A3	8	8	8.5	5	0	41	34.5
7	93348	20	TRÀ NGỌC NGUYỄN VŨ	27/02/2004	Nam	9A3	7	7.5	7.75	1.5	0	37	25.25
8	93361	22	BÙI NGỌC LAN ANH	15/02/2004	Nữ	9A3	8	5.75	4.5	0	0	30.75	18.25
9	93426	24	LÊ THANH KIỀU	12/10/2004	Nam	9A3	8	7.5	6	0.25	0	35.5	22
10	93582	4	LÊ HUY HOÀNG	12/10/2004	Nam	9A3	6	6.25	7	1.75	0	32.25	22.75
11	93667	8	NGUYỄN BẢO ÂN	21/10/2004	Nữ	9A3	8.5	7.5	10	0.25	0	44.5	26.5
12	93767	12	NGUYỄN ĐỨC ANH HÀO	20/10/2004	Nam	9A3	7.5	9.25	8.5	2	0	41.25	29.25
13	93878	17	LÊ QUỲNH MAI	31/01/2004	Nữ	9A3	7.75	5.5	5.25	0	0	31.5	18.5
14	94106	7	ĐẶNG PHÚC TƯỜNG VY	11/08/2004	Nữ	9A3	7.25	8	8.75	0	0	40	24
15	94198	12	NGUYỄN LÊ KỲ DUYÊN	07/04/2004	Nữ	9A3	7.5	5	7	5.25	0	34	30
16	94232	13	NGUYỄN NGỌC THIÊN HƯƠNG	11/06/2004	Nữ	9A3	7.75	6.5	5.25	5.5	0	32.5	30.5
Tổng cộng có tất cả: 16 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	93522	28	NGÔ MAI PHƯƠNG UYÊN	18/07/2004	Nữ	9A4	8	9.25	6.25	3	0	37.75	29.5
Tổng cộng có tất cả: 1 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92446	10	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	14/02/2004	Nữ	9A6	8	8.25	5.5	2.25	0	35.25	26.25
Tổng cộng có tất cả: 1 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS ÂU LẠC

Loại hình: Chuyên

